

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (28 -)/DA22MNA

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TNNgày hoàn thành đánh giá kết thúc
12 / 07 / 2023Phòng thi: D71.107

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	114222002	Nguyễn Hồ Ngọc Lan Anh	05/10/2004	Nữ	5,0	2,8	3,9	001	<i>Stall</i>		
2	114222003	Ngô Anh	07/03/2004	Nữ	7,7	4,8	6,3	002	<i>Đar</i>		
3	114222004	Trần Thị Thùy	24/12/2004	Nữ	5,5	3,8	4,7	003	<i>Ch</i>		
4	114222005	Trần Nguyễn Thúy	11/11/2004	Nữ	8,9	5,2	7,1	004	<i>Ch</i>		
5	114222007	Thạch Thị Trinh	18/09/2004	Nữ	7,5	4,2	5,9	005	<i>Ch</i>		
6	114222009	Nguyễn Huỳnh	22/09/2004	Nữ	7,5	4,8	6,2	006	<i>Ch</i>		
7	114222010	Thạch Thị Ngọc	17/12/2004	Nữ	8,3	4,2	6,3	007	<i>Stall</i>		
8	114222012	Huỳnh Thị Ái	07/11/2004	Nữ	7,5	2,6	5,1	008	<i>Mi</i>		
9	114222013	Bùi Thị Cẩm	20/09/2004	Nữ	7,5	3,6	5,6	009	<i>Nang</i>		
10	114222014	Thạch Châu	27/02/2004	Nữ	7,8	2,4	5,1	010	<i>Chay</i>		
11	114222015	Nguyễn Thị Thu	06/02/2004	Nữ	7,6	3,4	5,5	011	<i>Ch</i>		
12	114222016	Trần Thị Mỹ	25/01/2004	Nữ	7,6	4,2	5,9	012	<i>nga</i>		
13	114222017	Giang Thảo	30/04/2004	Nữ	7,9	3,8	5,9	013	<i>Th</i>		
14	114222019	Dương Thị Tuyết	02/03/2004	Nữ	7,6	4,4	6,0	014	<i>Anh</i>		
15	114222020	Huỳnh Thị Yến	01/08/2004	Nữ	7,6	3,8	5,7	015	<i>Ch</i>		
16	114222021	Võ Thị Tuyết	28/01/2004	Nữ	7,9	3,0	5,5	016	<i>Ch</i>		
17	114222022	Ca Yến	05/12/2004	Nữ	7,6	3,4	5,5	017	<i>nhu</i>		
18	114222023	Phan Thị Anh	11/04/2004	Nữ	7,6	4,2	5,9	018	<i>Nhu</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 18Tổng số sv, hs dự đánh giá: 18Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 18

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Ngọc Huyền

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 27 tháng 7 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Phan Phan KhaCán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (28 -)/DA22MNA

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

12/7/2023Phòng thi: D71.108

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114222025	Võ Thị Huỳnh Như	30/06/2004	Nữ	7,6	40	5,8	001	nhu		
2	114222051	Tô Thị Cẩm Tú	12/12/2004	Nữ	7,6	44	6,0	002	tu		
3	114222052	Nguyễn Huyền Phương	22/07/2004	Nữ	7,6	34	5,5	003	ph		
4	114222054	Lê Phạm Thảo Uyên	20/03/2004	Nữ	8,0	38	5,9	004	th		
5	114222057	Võ Thị Hồng Yên	14/08/2004	Nữ	8,0	22	5,1	005	h		
6	114222058	Trịnh Lâm Phi Yến	16/11/2003	Nữ	9,0	32	6,1	006	ph		
7	114222059	Hứa Trâm Huỳnh Anh	15/05/2004	Nữ	7,8	60	6,9	007	ha		
8	114222060	Nguyễn Thị Ngọc Cẩm	10/06/2004	Nữ	7,5	40	5,8	008	ca		
9	114222061	Dương Ngọc Diễm	12/03/2004	Nữ	7,5	42	5,9	009	di		
10	114222063	Nguyễn Thị Hoàng Dung	17/08/2004	Nữ	5,5	46	5,1	010	du		
11	114222065	Dương Thị Hân	18/12/2004	Nữ	7,5	48	6,2	011	ha		
12	114222067	Trần Thị Huỳnh Hoa	18/05/2004	Nữ	7,5	44	6,0	012	hu		
13	114222070	Nguyễn Thị Thùy Linh	07/06/2004	Nữ	7,5	66	7,1	013	th		
14	114222071	Trần Thị Cẩm Linh	29/02/2004	Nữ	7,5	42	5,9	014	lin		
15	114222072	Nguyễn Thị Cẩm Ly	23/10/2004	Nữ	7,5	32	5,4	015	ly		
16	114222073	Từ Xuân Mai	25/07/2004	Nữ	7,5	28	5,2	016	mai		
17	114222074	Phạm Thị Ca Mơ	17/04/2004	Nữ	7,5	46	6,1	017	ca		
18	114222075	Nguyễn Châu Kim Ngân	05/10/2004	Nữ	7,8	42	6,0	018	ke		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 18...Tổng số sv, hs dự đánh giá: 18...Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 18...Tổng số tờ: 18...Cán bộ coi thi 1: Đinh Thị Lan

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 27 tháng 7 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Đinh Thị LanCán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lan

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần: Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (28 -)/DA22MNB

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

12 / 07 / 2023

Phòng thi: D71.107

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	114222043	Đặng Ngọc Thùy	12/06/2004	Nữ	6,8	4,6	5,7	001	Th		
2	114222044	Nguyễn Thị Như Thùy	14/01/2004	Nữ	6,8	5,2	6,0	002	Thuy		
3	114222045	Nguyễn Thị Thanh Trà	08/03/2004	Nữ	6,8	5,8	6,3	003	Thanh		
4	114222046	Đỗ Thị Ngọc Trâm	16/03/2004	Nữ	6,8	4,4	5,6	004	Ngoc		
5	114222047	Kiên Thị Quế Trân	30/04/2004	Nữ	6,8	3,0	4,9	005	Quế		
6	114222049	Phan Thanh Trúc	28/01/2004	Nữ	6,8	5,2	6,0	006	Phan		
7	114222050	Thạch Mai Cẩm Tú	13/09/2004	Nữ	8,0	6,4	7,2	007	Thạch		
8	114222077	Võ Thị Hồng Ngọc	21/01/2004	Nữ	8,0	4,6	6,3	008	Võ		
9	114222078	Nguyễn Thị Ngọc Nguyên	11/09/2004	Nữ	8,5	6,0	7,3	009	Nguyễn		
10	114222079	Võ Thị Thảo Nguyên	05/12/2004	Nữ	8,0	5,4	6,7	010	Võ		
11	114222080	Huỳnh Thúy Nhi	26/10/2004	Nữ	8,0	3,8	5,9	011	Huỳnh		5,9
12	114222081	Huỳnh Thị Quỳnh Như	22/02/2001	Nữ	8,0	6,2	7,1	012	Huỳnh		
13	114222082	Trần Thị Anh Thi	08/04/2004	Nữ	8,2	3,6	5,9	013	Trần		
14	114222083	Lê Thị Anh Thư	30/10/2004	Nữ	8,2	5,2	6,7	014	Lê		
15	114222084	Phan Thị Thương	01/05/2004	Nữ	8,2	5,2	6,7	015	Phan		
16	114222085	Tạ Thị Ngọc Trâm	25/12/2004	Nữ	6,8	5,0	5,9	016	Tạ		
17	114222086	Lê Nguyễn Quế Trân	15/06/2004	Nữ	6,8	4,4	5,6	017	Lê		
18	114222087	Trần Thị Tú Trinh	12/02/2004	Nữ	7,5	3,4	5,5	018	Trần		
19	114222088	Nguyễn Ngọc Hồng Trúc	05/01/2004	Nữ	6,8	6,0	6,4	019	Nguyễn		
20	114222090	Trần Khánh Vy	01/10/2002	Nữ	6,8	5,6	6,2	020	Trần		
21	114222091	Nguyễn Thị Kim Xuân	12/03/2004	Nữ	6,8	3,6	5,2	021	Nguyễn		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 21

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 21

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 21

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1:

Nguyễn Thị Ngọc Huyền

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 80%; Điểm KT: 80%

Trà Vinh, Ngày 27 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:

Phạm Văn Hòa

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Linh

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (28 -)/DA22MNB

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

12/7/2023Phòng thi: Đ.T.1. 109

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114222027	Dương Thị Kiều Oanh	19/07/2004	Nữ	8,3	3,8	6,1	001	KieuOanh		
2	114222028	Chanh Sóc	14/01/2004	Nữ	8,0	3,4	5,7	002	Phép		
3	114222030	Nguyễn Thu	04/01/2004	Nữ	8,0	4,0	6,0	003	Thu		
4	114222031	Ngà Kim	09/01/2004	Nữ	8,2	4,4	6,3	004	KimSang		
5	114222032	Phạm Thị Phương Thảo	23/02/2004	Nữ	8,2	4,4	6,3	005	Thao		
6	114222033	Son Thị Quốc Thảo	09/03/2004	Nữ	8,2	5,0	6,6	006	Thao		
7	114222036	Lê Thị Mộng Thi	09/11/2004	Nữ	8,2	3,6	5,9	007	Thi		
8	114222037	Ngô Thị Diễm Thu	09/11/2004	Nữ	8,2	5,2	6,7	008	Thu		
9	114222038	Dương Thị Yến Thư	16/11/2004	Nữ	8,2	5,0	6,6	009	Thư		
10	114222040	Nguyễn Minh Thư	14/11/2004	Nữ	8,2	4,0	6,1	010	Thư		
11	114222042	Nguyễn Phương Thủy	27/11/2004	Nữ	8,2	3,8	6,0	011	Thư		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 11Tổng số sv, hs dự đánh giá: 11Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 11Tổng số tờ: 11

Cán bộ coi thi 1:

Nguyễn Đình Kim Hải

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 27 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:

Pon Pon La

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (28 -)/DA22XD

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TTVNgày hoàn thành đánh giá kết thúc
12 / 7 / 2023Phòng thi: D71.108

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111722001	Nguyễn Tuấn Anh	26/06/2004	Nam	—	—	—	—	—	—	—
2	111722007	Kim Anh Duy	26/07/2004	Nam	6,6	4,2	5,4	002	<u>Kim Anh</u>	—	—
3	111722008	Nguyễn Huỳnh Duy	12/05/2004	Nam	6,4	5,0	5,7	003	<u>Nguyễn Huỳnh</u>	—	—
4	111722009	Nguyễn Ngọc Thái Duy	11/06/2004	Nam	6,9	4,6	5,8	004	<u>Nguyễn Ngọc Thái</u>	—	—
5	111722010	Huỳnh Hùng Hòa	21/06/2004	Nam	6,7	3,8	5,3	005	<u>Huỳnh Hùng</u>	—	—
6	111722012 ✓	Bùi Thị Mỹ Huyền	13/12/2004	Nữ	—	—	—	—	—	—	—
7	111722013	Bùi Văn Khang	21/07/2004	Nam	7,2	5,0	6,1	007	<u>Bùi Văn</u>	—	—
8	111722014 ✓	Nguyễn Hoàng Khang	16/11/2004	Nam	—	—	—	—	—	—	—
9	111722017 ✓	Lâm Tấn Lộc	02/07/2004	Nam	—	—	—	—	—	—	—
10	111722019	Phạm Thành Long	07/06/2004	Nam	5,2	4,6	4,9	000	<u>Phạm Thành</u>	—	—
11	111722020	Dương Thuận Minh	18/05/2004	Nam	6,5	4,6	5,6	004	<u>Dương Thuận</u>	—	—
12	111722021	Ngô Bảo Ngọc	20/10/2004	Nữ	6,4	3,6	5,0	012	<u>Ngô Bảo</u>	—	—
13	111722023	Nguyễn Thanh Phong	28/10/2004	Nam	—	—	—	—	—	—	—
14	111722025	Thạch Huỳnh Trọng Phúc	20/02/2004	Nam	—	—	—	—	—	—	—
15	111722026	Thạch Sa Rát	10/02/2003	Nam	7,3	6,2	6,8	015	<u>Thạch Sa</u>	—	—
16	111722027	Kiên Sa Rọt	22/12/2004	Nam	7,6	4,8	6,2	016	<u>Kiên Sa</u>	—	—
17	111722028	Lê Thanh Thiên	05/11/2004	Nam	7,3	4,0	5,7	017	<u>Lê Thanh</u>	—	—
18	111722029	Đặng Thị Minh Thư	16/04/2004	Nữ	7,3	5,6	6,5	018	<u>Đặng Thị Minh</u>	—	—
19	111722030 ✓	Trần Minh Thuận	27/03/2004	Nam	5,1	3,4	4,3	019	<u>Trần Minh</u>	—	—
20	111722031	Hà Thuỷ Tiên	18/10/2004	Nữ	—	—	—	—	—	—	—
21	111722032	Trương Hoàng Tiến	11/06/2004	Nam	—	—	—	—	—	—	—
22	111722034	Nguyễn Hữu Trí	01/06/2004	Nam	—	—	—	—	—	—	—

Tổng số sv, hs trên danh sách: 22Tổng số sv, hs dự đánh giá: 13Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 13Tổng số tờ: 13Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị LànhĐiểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 27 tháng 7 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (28 -)/DA22XD

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TTNgày hoàn thành đánh giá kết thúc
12/7/2023Phòng thi: D71-108

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111722035	Lâm Minh	Triều	13/10/2004	Nam	<u>7,3</u>	<u>—</u>	<u>—</u>	<u>—</u>	<u>—</u>		
2	111722037	Kim	Vũ	08/08/2004	Nam	<u>—</u>	<u>—</u>	<u>—</u>	<u>—</u>	<u>—</u>		
3	111722038	Lê Hoàng	Vũ	25/07/2004	Nam	<u>8,0</u>	<u>—</u>	<u>—</u>	<u>—</u>	<u>—</u>		
4	111722040	Lê Nguyễn Tùng	Gia	30/01/2004	Nam	<u>5,2</u>	<u>3,2</u>	<u>4,2</u>	<u>—</u>	<u>—</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 04Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01Tổng số tờ: 01Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị LànhĐiểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 27 tháng 7 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Trần Sơn La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

21/7
D71.106

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần: Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (28 -)/DA22XD

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

21/7/2023

Phòng thi: D71.106

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Ghi chú
1	111722038	Lê Hoàng Vũ	25/07/2004	Nam	8,0	4,0	6,0	017			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 25 tháng 7 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Linh

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Linh

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN HOÃN THI

Kính gửi: Khoa Lý luận Chính trị

Em đứng tên dưới đây là: Lê Hoàng Vũ

Năm sinh: 2004

Lớp: DA22X0

MSSV: 111722038

Nay em làm đơn này gửi đến Khoa Lý luận Chính trị, xin phép cho em được hoãn thi môn: Kinh tế chính trị, nhóm: 28, CBGD: Nguyễn Thanh Thảo, kỳ thi diễn ra ngày: 12/07/2023

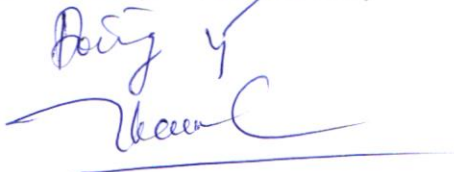
Lý do: Trùng lịch thi môn Anh Văn không chuyên 2

Rất mong nhận được sự đồng ý của Khoa Lý luận Chính trị. Em xin cam đoan những điều nêu trên là đúng sự thật, em xin chân thành cảm ơn.

Trà Vinh, ngày 12 tháng 7 năm 2023

KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

KÍNH ĐƠN



Lê Thúy Hằng



Lê Hoàng Vũ

12/7
D71.107

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (28 -)/DA22TTB

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

12/7/2023

Phòng thi: D71.107

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110122147	Trương Thị Mỹ Phương	06/03/2004	Nữ	5,0	4,2	4,6	019	phuc		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 07

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 07

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 07

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 27 tháng 7 năm 2023

Cán bộ coi thi 1:

Nguyễn Thị Ngọc Huyền

Cán bộ ghi điểm:

Phon Pon La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (28 -)/DA22TYB

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TNNgày hoàn thành đánh giá kết thúc
12 / 07 / 2023Phòng thi: D.11.107

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111322110	Trần Triệu Võ	14/03/2004	Nam	<u>6,9</u>	<u>5,0</u>	<u>6,0</u>	<u>020</u>	<u>vi</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 27 tháng 7 năm 2023Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Ngọc HuyềnCán bộ ghi điểm: Son Son La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (28 -)/DA22TTD

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

12/1/2023Phòng thi: D71.109

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110122055	Trần Minh Đức	03/01/2004	Nam	4,9	4,0	4,5	012	<u>Đức</u>		
2	110122056	Hồ Nguyễn Quốc Dũng	19/08/2004	Nam	6,9	5,0	6,0	013	<u>Đ</u>		
3	110122059	Huỳnh Khánh Duy	29/12/2004	Nam	7,0	5,6	6,3	014	<u>Đ</u>		
4	110122060	Lê Hà Duy	19/08/2004	Nam	7,0	5,2	6,1	015	<u>Đ</u>		
5	110122069	Nguyễn Thị Ngọc Hân	02/11/2004	Nữ	6,9	5,2	6,1	016	<u>Đ</u>		
6	110122093	Hồ Anh Khoa	28/11/2004	Nam	4,9	4,6	4,8	017	<u>Choa</u>		
7	110122095	Nguyễn Ngọc Anh Khoa	29/03/2004	Nam	4,9	4,0	4,5	018	<u>Đ</u>		
8	110122248	Nguyễn Thanh Triệu	21/09/2004	Nam	4,9	5,0	5,0	019	<u>Triệu</u>		
9	110122251	Trần Thị Như Ý	27/07/2004	Nữ	4,9	—	—	—	<u>Trần</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 09Tổng số sv, hs dự đánh giá: 08Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 08Tổng số tờ: 08

Cán bộ coi thi 1:

Nguyễn Kim Hoàn

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 27 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:

Trần Văn Kha

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành